TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-PT
Ngày 24/01/2025
V/v: "Tranh chấp chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 627/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1944; địa chỉ: Số B, Lô E Đà Nẵng, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hữu T: Anh Nguyễn Thanh B- 1973; địa chỉ: Số H P, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: Số C, Ngõ F, phố K, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà H: Ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị V – Luật sư Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: P tầng F tòa G, KĐT V, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; đều có mặt

- Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1957; địa chỉ: Số B, Ngõ E, đường Đ, thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

+ Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

Địa chỉ hiện tại ông D khai báo tại phiên tòa: Tổ dân phố K, A, A, Thành phố Hải Phòng.

- Bà Đinh Thị Q, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Q: Ông Nguyễn Văn B1 và ông Vũ Cao H1 – Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: số F, phố H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; đều có mặt

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1973; ĐKHKTT: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số B N, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc T2; địa chỉ: Số nhà A, V, K, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thanh Q1; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc T3; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị S2; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị B2; địa chỉ: Số A H, phường T, quận L, Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2022 và các lời khai, các nguyên đơn trình bày: Cụ Nguyễn Văn B3 chết ngày 09 tháng 4 năm 1993, có vợ là cụ Nguyễn Thị C chết ngày 27 tháng 01 năm 2013, hai cụ là vợ chồng và có các người con là ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Thanh T5) (đã chết năm 2014),

ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị S1. Ông T5 có vợ là bà Đinh Thị Q. Bà Q, ông T5 có các người con là: anh Nguyễn Anh T1, anh Nguyễn Ngọc T2, chị Nguyễn Thị Thanh Q1 và anh Nguyễn Ngọc T3. Tài sản của cụ B3, cụ C để lại gồm diện tích đất ở 2.202m^2 và một ngôi nhà cấp 4 mái ngói, diện tích xây dựng khoảng 50m^2 tại xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Khi bố mẹ ông chết đi không để lại di chúc, cũng chưa cho đất các con. Đối với bà Nguyễn Thị B2 được cụ B3, cụ C nuôi dưỡng nên đề nghị chia thừa kế cho bà B2. Biên bản họp gia đình ngày 23/4/2008 có mẹ là cụ C có mặt, các anh chị em đều có mặt cùng ký tự nguyện. Việc ông D, ông T5 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nguyên đơn không được biết. Đến năm 2022, ông T đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết đất đã có hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông D, ông T5. Biên bản họp gia đình ngày 23/4/2008 cụ C và các con là T5, T, N, D, S1, H đều thống nhất ký. Nhưng biên bản này không phát sinh hiệu lực vì khi ký không có đại diện Ủy ban nhân xã nhưng sau đó lại có mặt Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Mặt khác, gia đình ông T5 không thực hiện việc thờ cúng như theo di nguyện của cụ C. Các nguyên đơn yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Thanh T5) và ông Nguyễn Văn D tại: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, gồm:

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 13, diện tích 626m^2 đứng tên ông Nguyễn Văn T4.

- Thửa số 53a, tờ bản đồ số 13, diện tích 626m^2 đứng tên ông Nguyễn Văn D.

* Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn Văn B3 và cụ Nguyễn Thị C để lại là diện tích đất ở 2.202m^2 (hoặc đo theo diện tích thực tế hiện nay) và một ngôi nhà cấp 4 mái ngói, diện tích xây dựng khoảng 50m^2, (không yêu cầu chia di sản là cây cối) tại các thửa đất gồm:

- Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 13, diện tích 950m^2 chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vẫn đứng tên cụ Nguyễn Văn B3 (đã chết);

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 13, diện tích 626 m^2 đứng tên ông Nguyễn Văn T4;

- Thửa số 53a, tờ bản đồ số 13, diện tích 626 m^2 đứng tên ông Nguyễn Văn D.

Cả ba thửa đất đều có địa chỉ tại: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đồng nguyên đơn mong muốn được chia quyền sử dụng đất còn mang tên cụ Bên vì nơi đây có nhà của các cụ để lại, đây cũng là nơi Tòa án nhân dân tối

cao về sơ tán trong thời gian chiến tranh. Các nguyên đơn muốn lập làm nơi thờ cúng và lưu giữ giá trị truyền thống của gia đình với ngành Tòa án. Ông T đại diện nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày: Thống nhất về mối quan hệ nhân thân như nguyên đơn đã trình bày. Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của cụ B3 - cụ C nhưng đã cho ông và ông T4. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn là bà Đinh Thị Q trình bày: Thống nhất về mối quan hệ nhân thân như nguyên đơn đã trình bày. Khi còn sống, lúc đầu, bố mẹ cho ông T4, ông D mỗi người một nửa diện tích đất ông D đang quản lý, cho năm nào không rõ; cho ông Trình diện T6 đất bà Q đang quản lý. Sau đó, ông T bán cho ông T4 và ông T xé giấy bán đất viết tay nên hai ông đánh nhau, bà nghe con là T3 kể lại. Sau đó, ông T lại quay về xin 360m^2 đất và đã được đồng ý. Việc phân chia đất theo biên bản họp gia đình ngày 23/4/2008. Ông T4 quay về ở với bố mẹ từ 20 năm trước. Bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý chia theo biên bản họp gia đình ngày 23/4/2008. Bà Q đại diện nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc T3, chị Nguyễn Thị Thanh Q1, anh Nguyễn Anh T1 thống nhất với quan điểm của bà Đinh Thị Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B2: Bà được cụ B3, cụ C nuôi từ nhỏ. Về mặt pháp lý không thể hiện bà là con nuôi của cụ B3, cụ C. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ B3, C chỉ có 06 người con là T4, T, D, H, S1, N. Bà đề nghị không đưa bà vào hàng thừa kế của cụ B3, cụ C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có quan điểm gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Áp dụng các điều 26, 34, 37, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 116,120,623, 649, 650, 651, 652, 654, 660 Bộ luật Dân sự, Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T7, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị H:

- Giao cho ông Nguyễn Văn T7 có quyền sử dụng diện tích đất 364,90 m^2 có các mốc 4,5,7,8,9,4 tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 13 Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng (có trên sơ đồ số 1 kèm theo bản án); cùng tài sản, vật kiến

trúc trên đất gồm: 01 cây vải trị giá 1.000.000 đồng, 04 cây bưởi trị giá 2.000.000 đồng, 01 cây mít trị giá 150.000 đồng, 03 cây chay trị giá 600.000 đồng, 01 cây hồng xiêm trị giá 60.000 đồng, 02 cây xoài gốc bé trị giá 120.000 đồng, 02 cây táo trị giá 160.000 đồng, 01 cây mít nhỏ trị giá 150.000 đồng, 02 cây bưởi không có quả trị giá 100.000 đồng, cau bé 03 cây trị giá 165.000 đồng, chuối nhỡ 15 cây trị giá 1.050.000 đồng, chuối giống 06 cây trị giá 120.000 đồng. Giá trị cây cối là 5.675.000 đồng, phần tường bao trị giá 18.311.287 đồng; tiền chênh lệch đất là 28.400.000 đồng. Tổng cộng ông Nguyễn Văn T7 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn D - bà Đặng Thị S2 52.386.287 đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Văn D (vợ là Đặng Thị S2) có quyền sử dụng diện tích đất 879m^2 có các mốc 1,2,3,4,5, 9,10,1 tại thửa đất số 53a, tờ bản đồ số 13 Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng có trên sơ đồ số 1 kèm theo bản án các công trình xây dựng và cây cối trên đất là tài sản của ông D, bà S2.

- Giao cho ông Nguyễn Văn T7 (đại diện cho cả bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị S1) quyền sử dụng diện tích đất 393,9m^2 có các mốc 1,2,3,4',9,8,1 có trên sơ đồ số 2 kèm theo bản án, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 13, Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và quyền sở hữu 01 nhà cấp bốn, nhà bếp, nhà tắm, công trình phụ, bể nước, cánh cổng sắt hộp, 01 cây nhãn nhỏ. Ông Nguyễn Văn T7, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị S1 phải thanh toán cho bà Q, anh T3, anh T1, anh T2 (do bà Q đại diện) nhận số tiền ông T4 tu sửa công trình xây dựng trị giá 9.082.220 đồng, 01 cây nhãn trị giá 300.000 đồng, cây chuối trị giá 2.100.000 đồng, phần đất chênh lệch là 27,18m^2 x 6.000.000 đồng/m^2 = 163.080.000 đồng. Tổng cộng là 174.562.220 đồng.

- Giao cho bà Đinh Thị Q (đại diện cho cả anh T1, anh T2, anh T3, chị Q1) có quyền sử dụng diện tích 522,9m^2 gồm các mốc 9',5,6,7,8,9,9' có trên sơ đồ kèm theo bản án, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 13, Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và được quyền sở hữu 18 cây cau trị giá 4.680.000 đồng, khế 01 cây trị giá 120.000 đồng, cây sung trị giá 70.000 đồng, gỗ sưa 250.000 đồng, mẫu đơn 20 bụi giá 700.000 đồng, 9 cây tứ quí đơn 1.080.000 đồng, khế 04 cây trị giá 1.400.000 đồng, bưởi 03 cây trị giá 1.500.000 đồng, xoài 01 cây trị giá 500.000 đồng, vối 01 cây trị giá 180.000 đồng, sung 01 cây trị giá 100.000 đồng, dừa 01 cây trị giá 65.000 đồng, chuối 1.400.000 đồng. Tất cả số cây cối này do ông T4 trồng.

- Ông Nguyễn Văn T7, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị S1, bà Đinh Thị Q, anh Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Ngọc T2, anh Nguyễn Văn T8, chị Nguyễn Thị Thanh Q1 có quyền sử dụng lối ngõ đi chung các mốc 4', 4,5,5',4' diện tích 33,2 m^2 có trên sơ đồ 2 kèm theo bản án, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 13, Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng .

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc: Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 427533, số vào sổ cấp 02394 QSDĐ/ ngày 12/11/2004 của Ủy ban nhân dân huyện A. Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 53 A, diện tích 626m^2; địa chỉ: xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn D. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp 02274 QSDĐ/ ngày 12/11/2004 của Ủy ban nhân dân huyện A. Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 53, diện tích 626m^2; địa chỉ: Xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T4.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2024, bị đơn bà Đinh Thị Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 10/6/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 20/6/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị S3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Ông D cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm còn xem xét sót người thừa kế, giao ông T 364,9m^2 đất, phần đất này ông T cũng thừa nhận được cụ B3 và các thừa kế đã thoả thuận. Do đó là vượt quá yêu cầu của đương sự (giao cả phần đất các bên đã thống nhất chia). Bản án sơ thẩm xem xét thiếu công sức đóng góp của ông D trên 3 thửa đất, tôn tạo tạo lập, chăm sóc bố mẹ tuổi già. Thửa đất 600m^2 đã giao cho ông D từ trước năm 1990, trong sổ mục kê đứng tên ông D rồi, do đó phần đất đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D từ năm 2004. Tuy nhiên ông D cũng trình bày việc các cụ cho ông thửa đất này không công khai, nhưng anh chị đều biết. Vì là tài sản hợp pháp của ông nên ông cho rằng không được huỷ giấy chứng nhận đất này. Tổng hợp các vấn đề đó, ông D đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Luật sư Hoàng Thị V thay mặt phía nguyên đơn và người liên quan phía nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo: Toàn bộ diện tích đất là di sản nên phải chia theo pháp luật. Thỏa thuận năm 2008 giữa cụ B3 và các thừa kế là giao vô hiệu do bị che dấu thông tin. Khi đó các thừa kế không biết ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toà án sơ thẩm chấp nhận biên bản thỏa thuận nhưng cũng không chia cho ông D theo biên bản thoả thuận. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Văn S trình bày: Cần tiến hành xác minh lấy lời khai về chứng thực chữ ký của UBND xem đúng nguyện vọng cụ C và các đương sự

không? Tòa án cấp sơ thẩm công nhận phân chia theo biên bản 2008 là không đúng. Tuy đã công nhận biên bản thỏa thuận 2008 nhưng lại chia ít hơn so với biên bản thoả thuận. Không áp dụng đúng Bộ luật Dân sự 2005, mà áp dụng Bộ luật Dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn B1 và luật sư Vũ Cao H1 đại diện cho bị đơn bà Q thống nhất trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tôn trọng thoả thuận 2008. Cho rằng văn bản thoả thuận 2008 thoả thuận tự nguyện, không tranh chấp nên có hiệu lực. Ông T4 thực hiện đủ, đúng nghĩa vụ và sau khi ông T4 chết, các con bà Q và bà Q thực hiện đúng nghĩa vụ của ông T4. Có công tôn tạo, xây dựng công trình trên đất. Cấp sơ thẩm nhận định ông T4 và thừa kế vi phạm nghĩa vụ thờ cúng là sai. Đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận quyền sử dụng cho các thừa kế ông T4 theo biên bản thoả thuận 2008 (Ghi nhận biên bản thoả thuận). Luật sư cũng cho rằng bản án sơ thẩm vượt quá yêu cầu đương sự vì không chia phần ông D, ông T theo biên bản thoả thuận 2008. Nhưng lại cho rằng ông T4 vi phạm biên bản thoả thuận để chia phần ông T4 đã được chia theo biên bản thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử; Thẩm phán chủ tọa, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Những người kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới và những lập luận mới. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ tuy nhiên việc đánh giá thu thập chứng cứ không đầy đủ, do đó căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để tiến hành xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế; tài sản là quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất tại xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Cùng với yêu cầu chia di sản thừa kế, nguyên đơn còn yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến đất tranh chấp; căn cứ các điều 26, 37, 39, 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về thời hiệu: Tài liệu chứng cứ thể hiện các đương sự tranh chấp di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Văn B3 chết ngày 09 tháng 4 năm 1993 và cụ bà

Nguyễn Thị C chết ngày 27 tháng 1 năm 2013. Căn cứ Điều 623, Điều 688 Bộ luật Dân sự; yêu cầu chia di sản thừa kế còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Tại phiên toà đương sự vắng mặt đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tòa án đã giải thích nhưng không đương sự nào đề nghị xem xét thẩm định, định giá tài sản.

[5] Xét kháng cáo toàn bộ bản án của các đương sự, Tòa án xem xét yêu cầu của các đương sự và các quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Về quan hệ nhân thân, nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp, biên bản họp gia đình, các đương sự đều thống nhất hoặc không phản đối. Về những người thừa kế: Cụ Nguyễn Văn B3 (chết ngày 09 tháng 4 năm 1993) có vợ là cụ Nguyễn Thị C (chết ngày 27 tháng 01 năm 2013) và sinh được 06 người con chung là ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Thanh T5), ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, ngoài ra các cụ còn có người con nuôi (con nhận) là bà Nguyễn Thị B2. Ông T5 đã chết năm 2014 có vợ là bà Đinh Thị Q và các con Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Thị Thanh Q1. Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và quy định tại các điều 651, 652 Bộ luật Dân sự; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị B2 (con nuôi); bà Đinh Thị Q và các con Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Thị Thanh Q1 (nhận chung suất thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Thanh T5)). Trong số các đương sự nêu trên thì bà Nguyễn Thị B2 được cụ B3, cụ C nhận làm con nuôi không đăng ký thủ tục nhận con nuôi tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà B2 có ý kiến từ chối di sản trong đơn gửi Toà án cấp phúc thẩm, nên không xét. Về di sản các bên tranh chấp: Tài sản của cụ B3, cụ C để lại gồm diện tích đất Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 13, diện tích 950m^2, tài sản trên đất có một ngôi nhà cấp bốn mái ngói, diện tích xây dựng khoảng 50m^2; diện tích đất 364,90 m^2 và 879 m^2 các tại thửa số 53, 53A. Cả ba thửa đất này đều có địa chỉ tại: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

[7] Sau khi cụ Nguyễn Văn B3 chết, ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Thanh T5) và ông Nguyễn Văn D kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T5 và ông D tại các thửa đất số 53, 53A, tờ bản đồ số 13 mà không có các hàng thừa kế đồng ý.

[8] Ngày 23/4/2008, cụ C và các con đẻ họp gia đình và ký Biên bản họp gia đình phân chia diện tích 950m^2 cho ông T5, các con gái được phân chia đất

nông nghiệp. Ông T5 ở cùng cụ C, đến năm 2014 ông T5 chết. Năm 2022, ông T đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết đất đã có hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông D, ông T5. Tuy nhiên biên bản này cũng lại cho ông T, chồng chéo diện tích đất ông D, ông T5 được cấp giấy chứng nhận.

[9] Nguyên đơn cho rằng Biên bản họp gia đình ngày 23/4/2008 không phát sinh hiệu lực vì khi ký không có đại diện Ủy ban nhân xã nhưng sau đó lại có Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Các đương sự đều thừa nhận bà N là người ghi biên bản, cụ C điểm chỉ và đều thừa nhận đúng chữ ký của mình. Sau khi các hàng thừa kế ký thì Ủy ban nhân dân xã xác nhận đã đọc lại văn bản cho cụ C nghe lại và cụ C điểm chỉ lại. Như vậy, về mặt ý chí thì cụ C và các con đã thoả thuận xong việc phân chia di sản thừa kế, đồng thời cụ C cũng định đoạt cả phần tài sản của mình trong khối tài sản chung với cụ B3. Xét Biên bản họp gia đình ngày 23/4/2008 có điểm chỉ của cụ C và các con đẻ ký đã thống nhất phân chia di sản thừa kế, nhưng trên thực tế các đương sự chưa thực hiện xong việc phân chia, chưa đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (vẫn tồn tại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T5 và ông D từ năm 2004). Đất được phân chia theo biên bản thoả thuận 2008 lại đã có trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận cho ông T5. Đất ông D quản lý thực tế lại sang cả phần đất theo thoả thuận năm 2008. Nguyên đơn và người liên quan không biết đất thoả thuận năm 2008 đã được cấp giấy chứng nhận năm 2004. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế vẫn cần phải phân chia theo yêu cầu của các đương sự, đồng thời cần xem xét tính hợp pháp của hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên nhiều đương sự không được nhận đủ kỷ phần theo thừa kế và vẫn công nhận phần đất của ông D theo thoả thuận, chia thêm cho ông D vượt quá kỷ phần.

[10] Về xác định di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế của cụ B3, cụ C trên thực địa: Di sản các cụ là thửa đất số 109, tờ bản đồ số 13, diện tích 950 m^2, tài sản trên đất có một ngôi nhà cấp bốn mái ngói, diện tích xây dựng khoảng 50 m^2; diện tích đất 364,90m^2 và 879m^2 các tại thửa số 53, 53A. Cả ba thửa đất này đều có địa chỉ tại: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Nhu cầu của các đương sự đều mong muốn chia thừa kế là quyền sử dụng đất, nguyện vọng này là chính đáng. Nguyên đơn mong muốn làm nơi giữ gìn truyền thống của gia đình với N1 Toà án; là nơi cố Chánh án Toà án nhân dân Tối cao Phạm Hưng về sơ tán làm việc. Nguyện vọng của ông T là con trai lớn nhất của các cụ, nhận uỷ quyền từ các bà con gái và các chú bác trong dòng họ: mong muốn có điều kiện rộng rãi để làm nhà thờ, để việc thờ cúng tổ tiên được lâu dài. Đây là mong muốn chính đáng của đương sự phù hợp với phong tục tập quán của địa phương và truyền thống văn hoá của dân tộc. Trong vụ án này, do giấy thoả thuận phân chia di sản không phải là di chúc, cũng không phát sinh hiệu lực pháp luật, do đó Toà

án phải chia kỷ phần cho các thừa kế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm chia kỷ phần cho ông D, ông Trình diện tích đất nhiều hơn kỷ phần, lại buộc ông T phải thanh toán cho ông D và bà S2 52.386.287 đồng; và thanh toán cho thừa kế của ông T5 174.562.220 đồng là chưa phù hợp. Hơn nữa từ khi định giá tháng 2/2023 đến nay đã gần 2 năm, giá trị quyền sử dụng đất đã tăng lên theo giá đất mới. Nhưng các đương sự không ai đề nghị xem xét thẩm định, định giá lại. Việc xác định giá thấp hơn giá trị thực tế ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của đương sự được nhận thanh toán chênh lệch kỷ phần bằng tiền và thiệt hại cho Nhà nước khi tính án phí. Do đương sự không đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ, nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể có sự phân chia phù hợp trên thực địa, vừa đảm bảo kỷ phần của các đương sự phù hợp với nguyện vọng vừa hạn chế tối đa đến việc phải dỡ bỏ các công trình đã xây dựng. Vấn đề này Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[11] Từ những nhận định trên, Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án để Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[12] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: sẽ được quyết định lại khi xét xử sơ thẩm lại.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, các đương sự kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, X:

1. Chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S1, bà Nguyễn Thị H;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Q;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị S2;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Giao hồ sơ vụ án để Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến